

Phụ lục II: Chi tiết UPS, cáp

15.254,11

TT	Mã dự án	Mã vật tư	PART	Tên vật tư	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
1	PO-92075	620006711	HF365/10SF	CABLE; 10COND RIBBON LT GRY 100FT; hãng SX:3M	0,14	m	
2	PO-92075	620006712	HF365/26SF	CABLE; 26COND RIBBON LT GRY 100FT; hãng SX:3M	7,95	m	
3	PO-92075	620009411	3055 RD005	HOOK-UP WIRE ;18AWG, STRAND RED; hãng SX:	1,80	m	
4	PO-92075	620009504	HF365/40SF	CABLE; 40COND RIBBON LT GRY 100FT; hãng SX:3M	7,20	m	
5	PO-92075	620009791	3302/10 300SF	CABLE;10 COND 300FT MULTI-COLOR; hãng SX:3M	8,00	Sợi	
6	PO-92075	620011141	3625/10 100M	CBL RIBN 10COND 0.039 GRAY 5M; hãng SX:3M	2,27	m	
7	PO-92075	620011151	9178BCL005	CABLE COAXIAL RG178B 30AWG 100'; hãng SX:Alpha Wire	3,00	m	
8	PO-92076	620008996	AMS1117-5.0	Cáp chuyển đổi nguồn (Harness for power supply with starter), Mã hàng: CE1302-06, NSX: Currawong	5,00	Chiếc	
9	PO-92076	620009326	HF141-FEP	Cable,0.141", 50 ohm, solid PTFE dielectric; hãng SX:Hengxin	34,00	m	
10	PO-92076	620025869	0035827	CABLE, SHIELD; UNITRONIC LiYCY (TP), Grey, 5x2x0,75mm2, 0035827 ; hãng SX:Lapp Kabel	600,00	m	
11	PO-92076	620003282	C1156.41.01	Coaxial Cable 26 AWG (0.14mm²) RG-174 100' (30.5m) 50 Ohm; hãng SX:General Cable/Carol Brand	335,82	m	
12	PO-92076	620003826	9058AC BK005	CABLE; COAXIAL; RG58A/U 50 OHM; hãng SX:Alpha Wire	27,00	m	
13	PO-92076	620006843	4530103	WIRE, SHIELD; LiYCY, 1x0.5mm2, 4530103; hãng SX:Lapp Kabel	345,00	m	
14	PO-92076	620006844	HF086-M-FEP	Cable,0.0865", 50 ohm, solid PTFE dielectric; hãng SX:Hengxin	18,71	m	
15	PO-92076	620009320	4530102	WIRE, SHIELD; LiYCY, 1x0.25mm2, 4530102; hãng SX:Lapp Kabel	2.067,00	m	
16	PO-92076	620009321	4530104	WIRE, SHIELD; LiYCY, 1x0,75mm2, 4530104; hãng SX:Lapp Kabel	875,00	m	
17	RD-92042	620008749	CXV 2x1.5	Dây cáp điện Cadisun, Cáp treo CXV 2x1,5; hãng SX:	159,00	Chiếc	
18	RD-92042	620006136	2N7002BKW,115	MOSFET N-CH 60V 310MA SOT323; hãng SX:NXP Semiconductors	5,00	m	
19	RD-92042	620017317	RG401	HIGHT FREQUENCY CABLE;1 head,RG401/U(L=50feet); hãng SX:	10,00	Feet	
20	RD-92042	620016115	3021003-03	Cont Cable; CBL USB A-MNI B CON 3' 28/28 AWG; hãng SX:Qualtek / China	2,00	Chiếc	
21	RD-92042	620017249	DWR-932C	Bộ phát Wifi từ sim 3G,4G (4G/LTE Mobile Router) +Băng tần: FDD-LTE: Band 1, 3, 7, 8, 20 (2100/1800/2600/900/800 MHz) + UMTS	3,00	Chiếc	
22	RD-92029	350008769		Cáp USB1PACVBK điện thoại bảo mật quân sự	2,00	Chiếc	
23	RD-92029	620021513		Cáp SMAF-C113-AMCF002-18-01 điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	24,00	Sợi	
24	RD-92033	350004676		Cáp đồng trục RG6	120,00	m	
25	RD-92047	350014388		Dây Tiếp địa vàng xanh, 1x25mm2, ruột dẫn cấp 5 (ruột mềm)	60,00	m	
26	RD-92069	350003079		Cáp nguồn 3x1mm2 chuẩn C19-C20, dài 1.8 m	25,00	Cái	
27	RD-92069	625000051		ACCBL_3x10mm2(ACCBL_3x10mm2)	376,00	Cái	
28	RD-92069	625000052		ACBL_3x1mm2_1m_C13-C14(ACBL_3x1mm2_1m_C13-C14)	25,00	Cái	
29	PO-92106	620006585	3057/1 GR005	WIRE; HOOK-UP; 16AWG SOLID GREEN; hãng SX:Alpha Wire	1,00	m	
30	RD-92055	350003884		Cáp mạng AMP CAT6	180,00	m	
31	PO-92083	620024610	01201751	Bộ lưu điện; hãng SX:Vertiv; Mô tả: Điện áp đầu vào: 400V, 3pha 4 dây Công suất danh định: 16kVA	1,00	Chiếc	
32	PO-92083	620024607	P19VT-75RC-06;P19VT-75RC-07;P19VT-75RC-	Bộ chia công suất; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC-BC; Dải tần hoạt động 830 – 890 MHZ Hệ số chia c	1,00	Chiếc	
33	PO-92083	620024609	P19VT-75RC	Cáp RC-05-02; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC 75-05-02; Dải tần hoạt động 830 – 890 MHZ Trở kháng c	1,00	Chiếc	

TT	Mã dự án	Mã vật tư	PART	Tên vật tư	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
34	PO-92083	620024612	P19VT-75RC	Cáp RC-03; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC 75 - 03; Dài tần hoạt động 830 – 890 MHZ. Trở kháng chuẩn	1,00	Chiếc	
35	PO-92083	620024613	P19VT-75RC	Cáp RC-04; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC 75 - 04; Dài tần hoạt động 830 – 890 MHZ. Trở kháng chuẩn	1,00	Chiếc	
36	PO-92083	620024615	HRHAU8U812-02	Loa phát xạ dàn dưới; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: Độ lệch tâm loa phát xạ so với đường tâm trục co	1,00	Chiếc	
37	PO-92083	620024616	P19VT-75RC	Cáp RC-05-01; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC 75-05-01; Dài tần hoạt động 830 – 890 MHZ Trở kháng c	1,00	Chiếc	
38	PO-92083	620024617	HRHAU8U812-01	Loa phát xạ dàn trên; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: Độ lệch tâm loa phát xạ so với đường tâm trục co	1,00	Chiếc	
39	PO-92083	620024619	P19VT-75RC	Cáp RC-01; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC 75 - 01; Dài tần hoạt động 830 – 890 MHZ. Trở kháng chuẩn	1,00	Chiếc	
40	PO-92083	620024620	P19VT-75RC	Cáp RC-09; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: Dài tần hoạt động 830 –890 MHZ Trở kháng chuẩn 75 Ohm	1,00	Chiếc	
41	PO-92083	620026612	HPSU8U802180-01	Bộ đảo pha; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: Dài tần hoạt động 830 –890 MHZ Công suất định xung $\geq 12KW$	1,00	Bộ	
42	RD-92061	620032746	7805R 008100	Dây cáp (Cable); Hãng SX: Belden; Mô tả: RF100LL WIRELESS 50 OHM COAX	2,00	Chiếc	
43	RD-92061	620032748	BC-DM006F	Dây cáp (Cable); Hãng SX: Bel Fuse; Mô tả: MINI DISPLAYPORT TO DP CABLE 6'	3,00	Chiếc	
44	RD-92061	620032752	A12SR12SR30K305A	Dây cáp (Cable); Hãng SX: JST; Mô tả: JUMPER 12SR-3S - 12SR-3S 12"	3,00	Chiếc	
45	RD-92061	620032777	100R12-457B	Dây cáp (Cable); Hãng SX: Parlex; Mô tả: CABLE FFC 12POS 1.00MM 18"	6,00	Chiếc	
46	RD-92061	620032783	9474747101	Dây cáp (Cable); Hãng SX: HARTING; Mô tả: CABLE MOD 8P8C PLUG-PLUG 0.66'	2,00	Chiếc	
47	RD-92063	620004532	5854/7 RD005	Cont Cable; HOOK-UP STRND 24AWG RED 100'; hãng SX:Alpha Wire	1,00	Cuộn	
48	RD-92063	620015937	5854/7 BK005	Cont Cable; HOOK-UP STRND 24AWG BLACK 100'; hãng SX:Alpha Wire	1,00	Cuộn	
49	RD-92072	620009651	PK75 -17-12	Cáp truyền đọc (Cáp năng lượng); hãng SX:Электмет /Nga	700,00	m	
50	RD-92072	620006656	(Ổng+lưới) inox 304 1/2"	Ổng ghen bên lưới thép 1/2"; hãng SX:Dân Đạt/ Việt Nam	300,00	m	
51	RD-92072	620006657	(Ổng+lưới) inox 304 1/4"	Ổng ghen bên lưới thép 1/4" bò ruột; hãng SX:Dân Đạt	600,00	m	
52	RD-92072	620006824	(Ổng+lưới) inox 304 3/4"	Ổng ghen bên lưới thép 3/4"; hãng SX:Dân Đạt/ Việt Nam	400,00	m	
53	RD-92072	620006712	HF365/26SF	CABLE; 26COND RIBBON LT GRY 100FT; hãng SX:3M	0,97	m	
54	RD-92072	620016623	PNCT 3x6+1x4	Cáp lực vỏ mềm nhựa cao su tổng hợp, 3x6+1x4mm ² , 0,6/1kV, Cu/PR/PR; hãng SX:Hoàng Phát	43,00	m	
55	RD-92072	620016651	PNCT 3x10+1x6	Cáp lực vỏ mềm nhựa cao su tổng hợp, 3x10+1x6mm ² , 0,6/1kV, Cu/PR/PR; hãng SX:Hoàng Phát/ Việt Nam	420,00	m	
56	RD-92072	620009504	HF365/40SF	CABLE; 40COND RIBBON LT GRY 100FT; hãng SX:3M	0,97	m	
57	RD-92072	620009562	6ES7902-3AB00-0AA0	Cáp nối mô đun CP341 RS422/RS485; hãng SX:Siemens	2,00	Cái	
58	RD-92072	620009296	4520002	Cáp lực, dây đơn 1x2.5; hãng SX:Lapp Kabel	50,85	m	
59	RD-92072	620009297	0027950	CABLE OLFLEX SERVO FD 796 CP 4G1.5 MM2; hãng SX:	116,60	m	
60	RD-92072	620009322	3803742	CABLE YSLCY-JZ 4G 0.75 mm ² ; hãng SX:	11,70	m	
61	RD-92072	620009530	1027107	Cáp điều khiển 7x0.75 mm chịu môi trường dầu thủy lực; hãng SX:Lapp Kabel	175,00	m	
62	RD-92072	620009544	4510071	Cáp điều khiển, dây đơn 1x0.5; hãng SX:Lapp Kabel	304,56	m	
63	RD-92072	620009545	4520001	Cáp lực, dây đơn 1x1.5; hãng SX:Lapp Kabel	46,62	m	
64	RD-92072	620009548	4520014	Cáp lực, dây đơn 1x6; hãng SX:Lapp Kabel	62,70	m	
65	RD-92072	620009549	4520044	Cáp lực, dây đơn 1x6; hãng SX:Lapp Kabel	110,00	m	
66	RD-92072	620009553	0021946	Cáp lực 2x2,5 mm; hãng SX:Lapp Kabel	488,00	m	
67	RD-92072	620009555	0022729	Cáp điều khiển 25x0.75 mm; hãng SX:Lapp Kabel	82,00	m	

TT	Mã dự án	Mã vật tư	PART	Tên vật tư	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
68	RD-92072	620009556	0022730	Cáp điều khiển 34x0.75 mm; hãng SX:Lapp Kabel	44,00	m	
69	RD-92072	620009557	4510121	Cáp điều khiển, dây đơn 1x0.5; hãng SX:Lapp Kabel	3,00	m	
70	RD-92072	620009413	UT-047C-LL	CABLE; COAXIAL; UT-047C-LL Semi-Rigid; hãng SX:Micro-Coax	10,00	m	
71	RD-92072	620025639	DPO2022B	Máy hiện sóng Oscilloscope, Bảng thông : 200 MHz, số kênh đầu vào: 2, tốc độ lấy mẫu: 1GS/s, bộ nhớ: 1 Mpoints/Channel. Phụ kiện	1,00	Bộ	
72	RD-92072	620009649	943 301-001	Cáp Console; hãng SX:Hirschmann	3,00	Bộ	
73	RD-92072	620017589	2170125	Cáp mạng Ethernet UNITRONIC LAN 200 - Cat.5e; hãng SX:Lapp Kabel	500,00	m	
74	RD-92072	620017592	1027104	Cáp điều khiển 4x0.75 mm chịu môi trường dầu thủy lực; hãng SX:Lapp Kabel	9,00	m	
75	RD-92072	620017625	CABLE-D50SUB/B/S/100/KONFEK/S -	Cáp kết nối khối cầu đầu 50 chân, có bọc kim chống nhiễu, connector 1 đầu đực 1 đầu cái dạng D-SUB, chiều dài 1 m, 125 V AC/DC	8,00	Cái	
76	RD-92072	620017588	LNx-1002NS-67-T	Thiết bị chuyển mạch lớp 2 + Kết nối quang: Single-mode + Tiêu chuẩn giao thức kết nối: IEEE 802.3 IEEE 802.3u + Cổng kết nối	4,00	Chiếc	
77	RD-92072	620025879	Jetcon 2301-s	Thiết bị chuyển đổi quang điện + Kết nối quang: Single-mode + Cổng kết nối: 1 cổng kết nối cho Ethernet; 1 cổng quang kiểu SC;	2,00	Chiếc	
78	RD-92072	620025880	TN-5816ABP-WV-T	Thiết bị chuyển mạch lớp 3 + Các giao thức định tuyến lớp 3: (Layer 3 Switching) Static routing, RIP V1/V2, OSPF, Robust VRRP	1,00	Chiếc	
79	RD-92072	620017559		Hệ thống chấn tử P18 (01 bộ bao gồm 08 chấn tử dán trên, 08 chấn tử dán dưới); hãng SX:Công ty TNHH Xúc tiến TM và Dịch vụ Kỹ th	0,75	Bộ	
80	RD-92075	620002900	Dây điện đơn ruột mềm R5 1x1.5mm2	Dây điện đơn mềm 1 sợi 1x1.5mm2; hãng SX:LiOA	400,00	m	
81	RD-92075	620003677	20225217	Dây đôi mềm dẹt VCTFK 2x4.0 mm4; hãng SX:Cadi - Sun	460,00	m	
82	RD-92075	620025026	OLS1500ERT2U	Bộ lưu điện Online 1500 VA - Công nghệ: On-line double conversion - Điện áp vào: 160Vac - 300Vac - Điện áp ra: 208, 220,	1,00	Bộ	
83	RD-92075	620025640	IE-2000-16TC-G-E	Thiết bị chuyển mạch công nghiệp Cisco IE-2000-16TC-G-E: 16 port Ethernet, nguồn điện 110/220 VAC, 256MB DRAM, Rack 19inch; hãng	6,00	Bộ	
84	RD-92075	620008949	Navpixel NPD2115	Màn hình đặc chủng chống lóa; hãng SX:Litemax	6,00	Bộ	
85	RD-92075	620017339	ACS.03M	Bàn điều khiển 03 màn hình và các phụ kiện kèm theo; hãng SX:ASO	1,00	Bộ	
86	RD-92075	620017340	ACS.01M	Bàn điều khiển 01 màn hình và các phụ kiện kèm theo; hãng SX:ASO	1,00	Bộ	
87	RD-92075	620003691	OSPEN 30	Vỏ bọc dây tín hiệu OSPEN 30; hãng SX:An Đạt Phát	3.000,00	Cái	
88	RD-92082	620022287	VPH_321A_02_01	Kính màn hình (Lens); hãng SX:	282,00	Chiếc	
89	RD-92084	620017143	1427254-6	Dây mạng - Loại: UTP cat6 Chiều dài/hộp: 305m Số cặp dây xoắn: 4 - Bảo hành: 12 tháng; hãng SX:AMP/TE by CommScope	1,00	Chiếc	
90	RD-92084	620008340	2x2.5mm2/Tranphu	Dây cáp điện nguồn 2x2.5mm2; hãng SX: Trần phú	200,00	m	
91	RD-92084	620008341	8Cx0,5mm2/SanJin	Cáp đồng khử rò điện 8Cx0,5mm2; hãng SX:SangJin	300,00	Chiếc	
92	RD-92084	620002899	1427254-6	Cable CAT 6 UTP, 305m/ cuộn; hãng SX:AMP/Asia	2,00	Chiếc	
93	RD-92084	620019734	10299	Cáp HDMI; hãng SX:Ugreen	20,00	Sợi	
94	RD-92087	620013932	1014-N	Dây cáp ethernet; hãng SX:CMPL	1,00	Chiếc	
95	PO-92084	350010223		Dây điện Cadivi VCmd 1.0 100m	16,00	m	
96	RD-92090	620002427	3057 BK005	HOOK-UP STRND 16 AWG BLACK 100'; hãng SX:ALPHA WIRE	3,00	Cuộn	
97	RD-92090	620003282	C1156.41.01	Coaxial Cable 26 AWG (0.14mm²) RG-174 100' (30.5m) 50 Ohm; hãng SX:General Cable/Carol Brand	11,00	m	

TT	Mã dự án	Mã vật tư	PART	Tên vật tư	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
98	RD-92090	620004223	3057 RD005	HOOK-UP STRND 16AWG (100'); hãng SX:ALPHA WIRE	22,00	Cuộn	
99	RD-92090	620004224	76832.18.03	HOOK-UP STRND 10 AWG RED 500'; hãng SX:GENERAL CABLE/CAROL BRAND	100,00	m	
100	RD-92090	620004276	SUCOFEED_1/2	CABLE; SUCOFEED1/2; hãng SX:Huber-Suhner	39,00	m	
101	RD-92090	620015893	MBN1.00SV	BRAID; TABULAR GROUND BRAID 1.000" (25.40MM) - OUTER DIA X 100' (30.5M) 30 AWG; hãng SX:Techflex	4,50	Cuộn	
102	RD-92090	620015895	9912 001100	WIRE; HOOK-UP WIRE 12AWG 1C PVC 100FT SPOOL BROWN; hãng SX:Belden Wire& Cable	2,00	Cuộn	
103	RD-92090	620015896	9918 010100	WIRE; HOOK-UP WIRE 18 AWG 1C PVC 100FT SPOOL BLACK; hãng SX:Belden Wire& Cable	10,00	Cuộn	
104	RD-92090	620015898	9918 006100	WIRE; HOOK-UP WIRE 18 AWG 1C PVC 100FT SPOOL LT. BLUE; hãng SX:Belden Wire& Cable	12,00	Cuộn	
105	RD-92092	620014232	2842/7 RD005	Cont Cable; HOOK-UP STRND 28AWG RED 100'; hãng SX:Alpha Wire	1,00	Cuộn	
106	RD-92092	620018704	2842/7 BK005	Cont Cable; HOOK-UP STRND 28AWG BLACK 100'; hãng SX:Alpha Wire	1,00	Cuộn	
107	PO-92091	620025026	OLS1500ERT2U	Bộ lưu điện Online 1500 VA - Công nghệ: On-line double conversion - Điện áp vào: 160Vac - 300Vac - Điện áp ra: 208, 220,	6,00	Bộ	
108	PO-92091	620026008	XP0120P	Điện thoại IP Phone Xorcom XP0120P - Màn hình LCD 4 dòng hiển thị - Hỗ trợ 3 SIP Accounts - Danh bạ lưu trữ 300 số - Hỗ trợ	12,00	Chiếc	
109	PO-92092	620002872	EPMF2010B	Màn hình LCD công nghiệp chuẩn IP65 EPMF2010B (Kích thước 20.1", Độ phân giải 1600 x 1200, 16.7 triệu màu, tiêu chuẩn IP65); hãn	6,00	Bộ	
110	PO-92092	620002936	R910	Máy chủ Dell PowerEdge R910 (04xIntel(R) Xeon(R) Processor E7-4870, 2.40GHz, 30MB cache, 6.4 GT/s, 10C, 128GB Memory (8x16GB), 16	1,00	Bộ	
111	PO-92092	620025640	IE-2000-16TC-G-E	Thiết bị chuyển mạch công nghiệp Cisco IE-2000-16TC-G-E: 16 port Ethernet, nguồn điện 110/220 VAC, 256MB DRAM, Rack 19inch; hãng	4,00	Bộ	
112	PO-92092	620024955	Z230	Máy trạm làm việc HP Z230 Tower Workstation (Intel xeonE3-1246v3 3.5GHz, 8MB, 4 cores, RAM 4GB DDR3-1600Mhz, 04 cổng USB, 500GB	3,00	Bộ	
113	PO-92092	620015573	SURT6000XLI	Bộ lưu điện online 6 KVA (Kèm pin gắn ngoài); hãng SX:APC	1,00	Bộ	
114	PO-92092	620030324		Ổ cứng mở rộng ghi lưu thiết bị SAN: 300GB 2.5-inch 10K RPM, 6Gbps SAS Hard Drive; Hãng SX: IBM;	19,00	Bộ	
115	PO-92092	620003673	1859247-5	Dây LAN bấm sẵn 2 đầu chuẩn CAT6; hãng SX:AMP	90,00	Dây	
116	PO-92092	620019737	10112	Dây HDMI; hãng SX:Ugreen	10,00	Sợi	
117	PO-92092	620025026	OLS1500ERT2U	Bộ lưu điện Online 1500 VA - Công nghệ: On-line double conversion - Điện áp vào: 160Vac - 300Vac - Điện áp ra: 208, 220,	20,00	Bộ	
118	PO-92092	620030304	SF302-08P	Thiết bị chuyển mạch 8 cổng PoE; Hãng SX: CISCO/ China;	3,00	Bộ	
119	RD-92091	620016820	SMB-KW3/SMB-JWF3-70SF	Cont Cable; Cáp liền 2 đầu SMB-KW3/SMB-JWF3-70SF; 50 Ohm; Dài: ~68mm; hãng SX:Shaanxi Huada Science Technology	1,00	Chiếc	
120	RD-92091	620016821	SMB-KW3/SMB-KWF3-70SF	Cont Cable; Cáp liền 2 đầu SMB-KW3/SMB-KWF3-70SF; 50 Ohm; Dài: ~68mm; hãng SX:Shaanxi Huada Science Technology	1,00	Chiếc	
121	RD-92091	620016820	SMB-KW3/SMB-JWF3-70SF	Cont Cable; Cáp liền 2 đầu SMB-KW3/SMB-JWF3-70SF; 50 Ohm; Dài: ~68mm; hãng SX:Shaanxi Huada Science Technology	10,00	Chiếc	
122	RD-92091	620016821	SMB-KW3/SMB-KWF3-70SF	Cont Cable; Cáp liền 2 đầu SMB-KW3/SMB-KWF3-70SF; 50 Ohm; Dài: ~68mm; hãng SX:Shaanxi Huada Science Technology	5,00	Chiếc	

TT	Mã dự án	Mã vật tư	PART	Tên vật tư	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
123	PO-92074	620014046	LCD SPONGE-VPH-411S	Đệm màn hình điện thoại (SPONGE LCD); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: SPONGE;Sponge,200x120xd0.	300,00	Chiếc	